

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 8 đến 14/12/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 40%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 65%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 47%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 62%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ tăng so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 43%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 63%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 38%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 601%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%.
--

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-50mm, có nơi trên 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 459%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 76%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến ít mưa; phía Nam (từ Quảng Bình): 60-130mm, có nơi trên 130mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 33%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 11%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 63%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 8%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế: Từ ngày 04-05/12, lưu lượng dòng chảy trên các sông phía Nam Quảng Trị và TP. Huế có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 93%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 30-60mm, có nơi trên 80mm; riêng Nam Quảng Trị - Huế: 80-150mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 10%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn

khoảng 88%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 7%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông khả năng có dao động, lưu lượng dòng chảy thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 98%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: Phía Bắc 80-130mm, có nơi trên 200mm; phía Nam 20-50mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 04-05/12, trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ, dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn 29% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 16%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Từ ngày 02-04/12, trên các sông đã xuất hiện 01 đợt lũ, trên sông Kôn (Gia Lai) tại trạm Thanh Hòa ở trên mức BD1; sông Dinh Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa), sông Cái Phan Thiết (Lâm Đồng) lên mức BD1-BD2; riêng đỉnh lũ trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) tại trạm Thanh Bình đã vượt lũ lịch sử năm 2019 là 0,11m, đỉnh lũ trên sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy vượt BD3 0,73m.... Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 12% , sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 19%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 44%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 1644% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao cao hơn 60%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: phổ biến 20-100mm, có nơi trên 250mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lượng dòng chảy trên các sông khả năng có dao động, lưu lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 54%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 33%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với TBNN 5% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 23%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-60mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk dao động theo xu thế giảm dần và đều thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 66%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 51%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-40mm, có nơi trên 60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 13%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 40% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 28% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/12/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/12/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	0	<100	0.3	0.2	0	0	0	0	0	0.5	<95
	Sơn La	0	<100	0	0.1	0	8.3	0.2	3.9	0	12.5	>219
	Hòa Bình	0	<100	0.1	0.3	0	9.5	5.2	25	0	40.1	>903
	Lào Cai	0.2	<98	0.6	0	0	0.1	0.3	0.8	0	1.8	<75
	Yên Bái	1	<90	0	0	0	3.6	4.6	4.5	0	12.7	>66
	Tuyên Quang	0	<100	0	0.1	0	8.8	6.8	15.2	0	30.9	>505
	Hà Giang	4.9	<69	0.1	0.1	0	0.4	0.5	0	0	1.1	<90
	Láng	1	<89	0	0	0.1	8.9	4.5	23.8	0	37.3	>709
	Thái Bình	0	<100	0	0	2	3.1	1.4	8.3	0	14.8	>153
	Nam Định	0	<100	0	0	3.6	6.9	0.4	7.1	0	18	>210
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	0	<100	0.7	0.2	0	2.7	3.6	3.4	0	10.6	>125
	Thái Nguyên	0	<100	0	0	0	15.2	7.4	17.4	0	40	>993
	Bắc Ninh	0.1	<98	0	0	0.3	6.7	13.8	31.9	0	52.7	>948
	Lạng Sơn	4.7	<41	0	0	0.3	8.7	25.2	4.2	0	38.4	>427
	Bắc Giang	0.1	<99	0	0	0.3	5.9	14.3	16.9	0	37.4	>710
	Hải Dương	0.5	<94	0	0	0.9	8.7	1.5	27.9	0	39	>725
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	0	<100	0.6	0	0	2.4	0.3	20.2	0	23.5	>568
	Bái Thượng	0	<100	0.1	0	2	13.9	0.2	5.8	0.8	22.8	>279
	Thanh Hóa	0.7	<93	0.2	0	0.6	17.8	0.3	3.8	0	22.7	>281
	Quỳ Châu	2.3	<75	1.8	0	0	4.6	1.8	10.5	0	18.7	>265
	Cửa Rào	0	<100	1	0.1	0	3.4	0.7	10.8	0.4	16.4	>801
	Đô Lương	1.1	<90	1.4	0.1	0	5	0.9	22.4	0	29.8	>109

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	9.2	<30	1.3	0.2	0.3	5.7	0.6	8	0	16.1	<45
	Hương Sơn	2.8	<84	1.1	0.2	0.2	6	1.1	3.8	0	12.4	>16
	Hương Khê	7.2	<70	2.5	0.6	0.1	4.2	0.8	15.9	0	24.1	>16
	Hà Tĩnh	6.7	<88	2.3	0.9	1.9	7.8	0.3	13.3	0.3	26.8	<44
	Đồng Hới	64.7	>62	3.1	1.2	6.1	7.9	1.6	10.6	4	34.5	<8
	Quảng Trị	137.3	>76	2.1	0.7	74.2	27.2	1.7	20.3	12.5	138.7	>90
	Nam Đông	133.8	<4	15.6	4	12.4	6.1	2.4	32.3	5	77.8	<19
	Huế	133.1	<11	9	3.1	26.4	7.5	1.3	20.9	9.5	77.7	<28
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	135.7	>76	10.3	22	55.3	7.8	3	28.5	2.5	129.4	>48
	Trà My	127.7	<29	15.7	11.5	19.7	8.8	2.8	30.3	11.3	100.1	<25
	Ba Tơ	82.3	<64	12	11.1	18.4	12.6	2.8	25.1	14.1	96.1	<43
	Quảng Ngãi	111.5	<1	12.7	12.5	34.6	8.9	3.4	32.2	5.4	109.7	>6
	Quy Nhơn	20.1	<72	7.6	35.7	21.2	11.8	4	14.1	6.7	101.1	>51
	An Khê	111	>62	1.5	4.6	4.5	2.8	1.9	3.8	1.2	20.3	<47
	Tuy Hòa	59	<32	6	32	28.6	8.8	2.6	21.2	9.7	108.9	>44
	Nha Trang	9	<88	1.5	48.8	48.6	13.1	1.3	14.7	13.5	141.5	>142
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	6.6	>110	0	0.2	0	0.3	0.3	0	0	0.8	<76
	Lắk	73.3	>514	0.2	12.1	0.7	0.5	0.2	1.7	1.8	17.2	>7
	Buôn Mê Thuật	49	>415	0.1	7.3	0.6	0.4	0.4	2.6	2.1	13.5	>17
	Biên Hòa	24.3	>107	0	0.1	10.8	2.5	0.2	0.3	12.1	26	>107
	Cần Thơ	112.8	>511	0	0	18.5	7	1	5.2	18.9	50.6	>135

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/12/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 07 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	92	<48	11	10	9	9	8	7.0	6	60	<62
Lô	Tuyên Quang	107.3	<40	13	12	12	13	14	13.0	13	89	<43
Đà	Hồ Hòa Bình	697.1	>65	95	93	91	95	92	89.0	89	643	>63
Hồng	Hà Nội	988.2	>47	144.5	135	125	121	116	116.0	111	869	>38
Cầu	Gia Bảy	99.2	>601	13.4	12.2	11.4	11.9	13.1	13.9	12.2	87.9	>459
Lục Nam	Chũ	6.2	>48	0.81	0.8	0.8	0.8	0.9	1.1	0.9	5.92	>76
Mã	Cắm Thủy	166.1	>33	14.9	14.9	15.3	15.4	15.7	17.3	16.5	110.1	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	176	<11	23.0	23.0	23.5	23.7	24.2	26.6	25.4	169.3	<10
La	Hòa Duyệt	82.9	> 8	8.0	8.0	8.2	8.3	8.5	9.3	8.9	59.3	<7
Tả Trách	Thượng Nhật	37.1	>93	3.6	3.3	4.8	4.5	4.1	6.5	4.5	31.3	>98
Thu Bồn	Nông Sơn	725.8	>29	79.5	73.4	86.4	81.2	76.9	112.3	95	604.7	>54
Trà Khúc	Sơn Giang	455.4	>16	39.7	37.2	51.8	46.7	43.2	75.2	69.1	362.9	>33
Ba	Củng Sơn	349.0	<19	38.9	38.0	36.3	37.2	38.0	38.9	38.0	265.3	>5
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	110.7	>44	10.4	9.9	9.5	9.1	8.6	8.2	7.8	63.5	>23
ĐăkBlá	KonTum	22.0	<66	3.0	2.6	2.5	2.6	2.5	2.4	2.4	17.6	< 67

Sông	Trạm	Thực đo 07 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	Tổng	So sánh TBNN (%)
Srêpôk	Giang Sơn	172.7	>51	21.2	19.4	17.6	15.5	13.3	11.3	9.9	108.3	> 13
Tiền	Tân Châu			1267	1258	1233	1189	1181	1172	1137	8438	>40
Hậu	Châu Đốc			234	219	201	189	179	180	176	1376	>28